|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT TIÊN PHƯỚC**  **TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I MÔN TOÁN – LỚP 6**  **NĂM HỌC: 2023-2024 *(****Thời gian làm bài: 60 phút)* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  (1**)** | **Chương/**  **Chủ đề**  (2) | **Nội dung/**  **đơn vị kiến thức**  (3) | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Số tự nhiên** | ***Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên*** | 2  0, (6) đ |  |  |  |  |  |  |  | **6, (6)** |
| ***Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên*** | 2  0, (6)đ |  |  | 2  2 đ |  | 1  1 đ |  |  | **36, (6)** |
| ***Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung*** | 4  1, (3)đ |  |  | 1  1 đ |  |  |  | 1  0,5 đ | **28, (3)** |
| **2** | **Các hình phẳng trong thực tiễn** | ***Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều 3*** | 1  0, (3)đ |  |  |  |  |  |  |  | **3, (3)** |
| ***Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân 5*** | 3  1 đ |  |  |  |  | 1  1 đ |  | 1  0,5 đ | **25** |
| **Tổng** | | | 12  4đ |  |  | 3  3đ |  | 2  2đ |  | 2  1đ |  |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | | **100** |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT TIÊN PHƯỚC**  **TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **BẢNG ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 6**  **NĂM HỌC: 2023-2024 *(****Thời gian làm bài: 60 phút)* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  (1**)** | **Chương/Chủ đề**  (2) | **Nội dung/đơn vị kiến thức**  (3) | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức**  (4-11) | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Số tự nhiên** | *Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên* | **Nhận biết:**  - Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên.  - Nhận biết được (quan hệ) thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên;  **Thông hiểu:**  - Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân.  - Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã.  **Vận dụng:**  - So sánh được hai số tự nhiên cho trước.  - Sử dụng được thuật ngữ tập hợp, phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp; sử dụng được cách cho tập hợp. | **2TN** |  |  |  |
| *Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên* | **Nhận biết:**   * - Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính.   **Vận dụng:**  - Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên.  - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán.  - Thực hiện được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai luỹ thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.  - Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.  - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có,...).  **Vận dụng cao:**  - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính | **2 TN** | **2TL** | **1TL** |  |
| *Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung* | **Nhận biết:**  - Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.  - Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.  - Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư.  - Nhận biết được phân số tối giản.  **Vận dụng:**  - Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không.  - Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.  - Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất; xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên;  - Thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất.  - Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước, ...). | **4 TN** | **1TL** |  | **1TL** |
| **2** | **Các hình phẳng trong thực tiễn** | ***Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều*** | **Nhận biết**  - Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.  - Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều (ví dụ: ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông (ví dụ: bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều (ví dụ: sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau).  **Thông hiểu**  - Vẽ được tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.  - Tạo lập được lục giác đều thông qua việc lắp ghép các tam giác đều. | **1TN** |  |  |  |
| ***Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân*** | **Nhận biết**  Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.  **Thông hiểu**  Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.  **Vận dụng**  Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên, …) | **3TN** |  | **1TL** | **1TL** |
|  | **Tổng** |  |  | **12** | **3** | **2** | **2** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trường THCS Lý Tự Trọng  Họ và tên:…………………….. Lớp: 6/…. | | **KIỂM TRA GIỮA KỲ**  **HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2023-2024**  **MÔN: TOÁN – LỚP: 6** |
| Thời gian làm bài: 60 phút *(Không kể thời gian giao đề)* | | |
| **ĐIỂM:** | **NHẬN XÉT CỦA THẦY/CÔ:** | |

1. **TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**: *(4 điểm)*

***Khoanh tròn vào chữ cái (A hoặc B, C, D) đứng đầu ý trả lời đúng nhất trong các câu sau:***

**Câu 1.** Tập hợp nào dưới đây là tập hợp N?

**A**. {0; 1; 2; 3; …}. **B**.{1; 2; 3; 4; …}. **C**. {1; 3; 5; 7; …}. **D**. {2; 3; 4; 5; …}.

**Câu 2**. Viết tập hợp A các chữ số của số **2023** là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** A = {203}. | **B.** A = {2; 0; 3; 0}. | **C.** A = {2; 0; 3}. | **D.** A = {2023}. |

**Câu 3.** Kết quả của phép tính  bằng

**A**. 80. **B.** 162.  **C**. 6. **D**. 51.

**Câu 4.** Trong các tổng sau, tổng nào chia hết cho 3?

**A**. 2022 + 2021. **B**. 2022 + 2023. **C**. 2022+2024. **D.** 2022+2025.

**Câu 5.**  Kết quả phép tính 54. 52 .5 dưới dạng một lũy thừa là

**A.** 56. **B**. 57.  **C**. 58. **D**. 59.

**Câu 6.** Trong các số sau, số nào là bội của 24?

**A**. 1. **B**. 3. **C**. 8. **D**. 24.

**Câu 7.** Trong các số tự nhiên sau, số nguyên tố là

**A.** 31. **B**. 12. **C.** 105 **D**. 2020.

**Câu 8.** Số 2025 chia hết cho

**A.**  2 và 5. **B.** 3 và 2. **C**. 5 và 9. **D.** 3; 5 và 9.

**Câu 9.** Số đo mỗi góc của hình lục giác đều bằng

**A**. 600. **B**. 450. **C.** 900. **D**. 1200.

**Câu 10**. Trong các hình sau, hình có hai đường chéo vuông góc với nhau là

**A.** Hình thang. **B.** Hình thoi. **C.** Hình chữ nhật. **D.** Hình bình hành.

**Câu 11.** Trong các hình dưới đây, hình nào là hình thang cân?



**A.** Hình 1. **B.** Hình 2**. C.** Hình 3**. D.** Hình 4

**Câu 12.** ***Khẳng định nào sau đây là sai?*** Trong hình bình hành,

**A.** hai cạnh đối song song. **B.** hai đường chéovuông góc với nhau.

**C**. hai góc đối bằng nhau. **D**. hai cạnh đối bằng nhau.

**B. TỰ LUẬN:** *(6 điểm)*

**Câu 13.** *(1,5 điểm)* Thực hiện phép tính (bằng cách hợp lý nếu có thể):

a)  b) 

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |  |

**Câu 14.** *(1,5 điểm)*

1. Tìm ƯCLN (18, 24) rồi tìm ƯC (18, 24) b) Tìm x, biết: 50 -2x = 42

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Câu 15**. (*1 điểm)* Bác An đem 20 quả bưởi ra chợ bán, 10 quả đầu bác bán với giá

25 000 đồng mỗi quả. Lúc sau bác bán với giá 22 000 đồng mỗi quả. Đến trưa bác còn dư 3 quả mang về. Hỏi bác An đã bán được bao nhiêu tiền bưởi?

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**Bài 16**. *(1,5 điểm)*

1. *(1 điểm)* Một mảnh gỗ hình chữ nhật có nửa chu vi là 16 dm, độ dài một cạnh bằng 10 dm. Tính diện tích của mảnh gỗ?
2. *(0,5 điểm)* Cũng với mảnh gỗ trên, nếu chiều dài tăng 2 dm và chiều rộng giảm đi 2 dm thì diện tích của mảnh gỗ hình chữ nhật đó tăng hay giảm bao nhiêu dm2 ?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Câu 17***. (0,5 điểm)* Cho biểu thức A = 1+ 2 + 22 + 23 + …+ 22022 + 22023, chứng minh rằng A chia hết cho 3

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2023-2024**  **Môn: TOÁN – LỚP 6**  **Thời gian: 60 phút (*không kể thời gian giao đề)*** |
| **ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM** | |

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN *(4,0 điểm):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Đ/án** | A | C | C | D | B | D | A | C | D | B | D | B |

**PHẦN II.TỰ LUẬN *(6,0 điểm):***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 13**  ***(1,5 điểm)*** | Thực hiện phép tính (bằng cách hợp lý nếu có thể):  a)  b) | **1,5 đ** |
| a) 70 : 2 . 5 = 35 . 5 = 175 | *0,25*  *0,25* |
| b) | *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25* |
| **Câu 14**  ***(1,5điểm)*** | 1. Tìm ƯCLN (18, 24) rồi tìm ƯC (18, 24)   b) Tìm x, biết: 50 -2x = 42 | **1,5 đ** |
| 1. 18 = 2.32 ; 24 = 23.3 | *0,5* |
| ƯCLN (18,24) = 2.3 = 6 | *0,25* |
| ƯC (18,24) = Ư (6) = | *0,25* |
| 1. 50 -2x = 42   2x = 50 - 42  2x = 8  x = 4 | *0,2 0,2 0,1* |
| **Câu 15**  ***(1 điểm)*** | Bác An đem 20 quả bưởi ra chợ bán, 10 quả đầu bác bán với giá 25 000 đồng mỗi quả. Lúc sau bác bán với giá 22 000 đồng mỗi quả. Đến trưa bác còn dư 3 quả mang về. Hỏi bác An đã bán được bao nhiêu tiền bưởi? | **1 đ** |
| Số quả bưởi bác An bán lần sau là: 20 -10 -3 = 7 (quả) | *0,25* |
| Số tiền bác An bán 10 quả bưởi đầu là: 10. 25 000 = 250 000 đồng | *0,25* |
| Số tiền bác An bán 7 quả bưởi sau là: 7. 22 000 = 154 000 đồng | *0,25* |
| Số tiền bác An bán bưởi là: 250 000+ 154 000 = 404 000 đồng | *0,25* |
| **Câu 16 (1,5 *điểm)*.** | *a)(1 điểm)* Một mảnh gỗ hình chữ nhật có nửa chu vi là 16 dm, độ dài một cạnh bằng 10 dm. Tính diện tích của mảnh gỗ?  *b)(0,5 điểm)* Cũng với mảnh gỗ trên, nếu chiều dài tăng 2 dm và chiều rộng giảm đi 2 dm thì diện tích của mảnh gỗ hình chữ nhật đó tăng hay giảm bao nhiêu dm2 ? | **1,5đ** |
| 1. Độ dài cạnh còn lại của mảnh gỗ là: 16 – 10 = 6 (dm)   Diện tích của mảnh gỗ là: 10. 6 = 60 (dm2) | *0,5*  *0,5* |
| 1. Chiều dài của mảnh gỗ sau khi tăng 2 dm là 10 +2 =12 dm   Chiều rộng của mảnh gỗ sau khi giảm 2 dm là: 6 -2 = 4 dm  Diện tích của mảnh gỗ sau khi tăng chiều dài và giảm chiều rộng là: 12. 4 = 48 (dm2)  Vậy nếu tăng chiều dài 2 dm và giảm 2 dm thì diện tích của mảnh gỗ lúc sau giảm hơn diện tích mảnh gỗ ban đầu 12 dm2 | *0,1*  *0,1*  *0,1*  *0,2* |
| **Câu 17 (0,5 *điểm)*.** | Cho biểu thức A = 1+ 2 + 22 + 23 + …+ 22022 + 22023, chứng minh rằng A chia hết cho 3 | **0,5 đ** |
|  | A = 1+ 2 + 22 + 23 + …+ 22022 + 22023  = (1 + 2) + (22 + 23) + …+ (22022 + 22023)  = (1 + 2) + 22. (1 + 2) + …+ 22022. (1 + 2)  = 3 + 22. 3 + …+ 22022. 3  = 3. (1 + 22 + … + 22022) chia hết cho 3  Vậy A chia hết cho 3 | 0,1  0,1  0,1  0,1  0,1 |

***\* Ghi chú: mọi cách giải khác đúng vẫn đạt điểm tối đa, tổ chuyên môn thảo luận thống nhất cho điểm hợp lí.***

**ĐỀ VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM DÀNH CHO HSKT**

1. **ĐỀ**

Phần trắc nghiệm: Không yêu cầu làm câu 4 và câu 12.

Phần tự luận: Không yêu cầu làm câu 16 b và câu 17

1. **HƯỚNG DẪN CHẤM**

Phần trắc nghiệm: (5 điểm) có 10 câu trắc nghiệm, đúng mỗi câu 0,5 điểm.

Phần tự luận: (5 điểm) như HDC chung, không tính điểm của câu 16 b và 17.